

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 801/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, nơi ĐKTT: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Anh D, nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Văn D kết hôn ngày 23-10-2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống tại thôn Kinh Điền, xã Tân Viên. Quá trình chung sống, chị và anh D luôn phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhiều lần. Anh D ham chơi bài bạc, nhiều lần đi chơi về muộn khiến vợ chồng hay xảy ra tranh luận, cãi vã. Khi có con, anh D vẫn ham chơi bài bạc. Từ năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng, chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Tiên Cự, xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng sinh sống cho đến nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh

D. Chị và anh D có 02 con chung là Vũ Yến N, sinh ngày 30-8-2007 và Vũ Như N, sinh ngày 20-10-2010. Chị nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh D trình bày: Anh và chị H tự nguyện xây dựng hạnh phúc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên năm 2006. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống tại thôn Kinh Điền, xã Tân Viên. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Anh và chị H đã sống ly thân 04 năm nay. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Anh và chị H có 02 con chung là Vũ Yến N, sinh ngày 30-8-2007 và Vũ Như N, sinh ngày 20-10-2010. Do hai con có nguyện vọng được ở với chị H nên anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Chị H và anh D tự nguyện kết hôn năm 2006. Từ trước năm 2020, cuộc sống chung của chị H và anh D đã có mâu thuẫn, không còn hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay, chị H và anh D sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị H và anh D có 02 con chung là Vũ Yến N, sinh ngày 30-8-2007 và Vũ Như N, sinh ngày 20-10-2010. Trong thời gian chị H và anh D sống ly thân, Cháu N và cháu N chung sống cùng chị H, được chăm sóc chu đáo. Cháu N và cháu N đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay, chị H có chỗ ở và thu nhập ổn định, có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; giao Cháu N và Ngọc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Vũ Anh D, cư trú tại Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Vũ Thị H và anh D tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên năm 2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 053 ngày 23-10-2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp theo Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nhiều năm nay, cuộc sống chung của chị H và anh D thường xảy ra mâu thuẫn, không còn hoàn thuận, hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay, chị H và anh D sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị H và anh D đã không còn tình cảm với nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Vũ Yên N, sinh ngày 30-8-2007 và Vũ Như N, sinh ngày 20-10-2010. Cháu N và cháu N đều đang sinh sống ổn định cùng chị H, được chăm sóc chu đáo và có nguyện vọng được ở cùng chị H. Anh D đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H và ý kiến của anh D, giao Cháu N và cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Anh D.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Vũ Yến N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2007 và cháu Vũ Như N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Thị H và anh Vũ Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007399 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Tân Viên, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt